

Phụ lục số 3

MẪU PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT/BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CÔNG TY TNHH MTV VT
HẢI ĐĂNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 9 năm 2015

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: Vận chuyển hành khách bằng xe buýt

Tên đơn vị kinh doanh: CN Công ty TNHH MTV Vận tải Hải Đăng

Địa chỉ: Xã Ngọc Sơn - huyện Kim Bảng- tỉnh Hà Nam

Số điện thoại: 0902 095 588

Mã số thuế: 0800747640-001

PHỤ LỤC SỐ 1:

MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT/BTC-BGTVT
ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục số 1a

CÔNG TY TNHH MTV VT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HẢI ĐĂNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số/CV

-----***-----

(V/v: kê khai giá)

Hà Nam, ngày 16 tháng 9 năm 2015

- Kính gửi:**
- SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HÀ NAM
 - CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG
 - SỞ GTVT TỈNH HÀ NAM
 - CHI CỤC THUẾ HUYỆN GIA LỘC
 - CHI CỤC THUẾ HUYỆN KIM BẢNG- TỈNH HÀ NAM

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT/BTC-BGTVT, ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Công ty TNHH MTV VT Hải Đăng gửi bảng kê khai mức giá (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 21/9/2015.

Công ty TNHH MTV Vận tải Hải Đăng xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

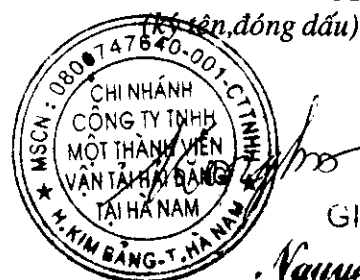
Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu CTy

Họ tên người nộp biểu mẫu: Bùi Thị Huế

Điện thoại liên lạc: 03203 713 999; 0936 182 367

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Lợi

**Ghi nhận
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được
Biểu mẫu kê khai và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY TNHH MTV VT
HẢI ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 9 năm 2015

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 1577/SGTVT-PTNL, ngày 11/9/2014 của Sở GTVT Hà Nam)

- Tên đơn vị thực hiện kê khai giá: CN Công ty TNHH MTV VT Hải Đăng
- Trụ sở (nơi đơn vị đăng ký kinh doanh): Ngọc Sơn – Kim Bảng – Hà Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0800747640-001 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2011
- Nội dung kê khai theo từng loại hình vận tải, loại hình dịch vụ:

Tên dịch vụ cung ứng	Quy cách chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai lại	% tăng hoặc giảm giá	Ghi chú
Tuyến: HN 08 Hà Nam – Hưng Yên		VND	Chặng 1: 10.000đ Chặng 2: 20.000đ Vé tuyến: 25.000đ	Chặng 1: 10.000đ Chặng 2: 19.000đ Vé tuyến: 24.000đ	giữ nguyên giảm: 5% giảm: 4%	

- Các yếu tố chi phí cấu thành giá (đối với kê khai lần đầu); phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá (đối với kê khai lại)

Các yếu tố hình thành giá vé tuyến buýt HN08

+ Những năm gần đây thị trường vận tải cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều xe tuyến xe dù cùng tham gia khai thác trên tuyến đường, cộng thêm nền kinh tế suy thoái dẫn đến lưu lượng khách đi lại kém

+ Áp lực tăng lương để giữ chân người lao động khiến doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn.

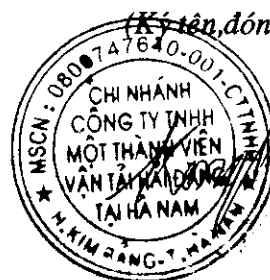
Trong giai đoạn giá nhiên liệu(dầu diesel)giảm. Góp phần bình ổn giá dịch vụ hàng hoá nói chung và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại trên tuyến nói riêng. Công ty TNHH MTV VT Hải Đăng quyết định điều chỉnh giảm giá vé như trên.

- Các trường hợp ưu đãi, giảm giá, điều kiện áp dụng giá (nếu có)

Công ty tổ chức bán vé tháng cho học sinh, sinh viên, cán bộ công nhân viên chức.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Lợi

CÔNG TY TNHH MTV VT

HẢI ĐĂNG

Số:...../2015

V/v: thẩm định phương án giá

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Gia lộc, ngày 16 tháng 9 năm 2015

- Kính gửi:**
- SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HÀ NAM
 - CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG
 - SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÀ NAM
 - CHI CỤC THUẾ HUYỆN GIA LỘC
 - CHI CỤC THUẾ HUYỆN KIM BẢNG – TỈNH HÀ NAM

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC- BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Công ty TNHH Một thành viên vận tải Hải Đăng đã lập phương án giá dịch vụ tuyến buýt HN08: Hà Nam – Hưng Yên (có phương án giá kèm theo)

Đề nghị Sở Tài chính tỉnh Hà Nam; Cục thuế tỉnh Hải Dương; Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh Hà Nam; Chi cục thuế huyện Gia Lộc; Chi cục thuế huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam, xem xét phê duyệt giá tuyến buýt HN08: Hà Nam – Hưng Yên theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu: VP, đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Lợi

CÔNG TY TNHH MTV VT
HẢI ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

Hà Nam, ngày 16 tháng 9 năm 2015

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: Vận chuyển hành khách bằng xe Buýt..

Đơn vị cung ứng: CN Công ty TNHH MTV VT Hải Đăng

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)	Đồng/ngày/xe	1.700.000	
B	Chi phí sản xuất kinh doanh			
I	Chi phí trực tiếp:			
1	Chi phí nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	Đồng/ngày/xe	670.000	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng/ngày/xe	350.000	
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	Đồng/ngày/xe	100.000	
4	Chi phí sản xuất kinh doanh (chưa tính ở mục 1,2,3 theo đặc thù)	Đồng/ngày/xe	230.000	
II	Chi phí chung			
5	Chi phí sản xuất chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý	Đồng/ngày/xe	150.000	
	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh(TC)	Đồng/ngày/xe	1.500.000	
C	Chi phí phân bổ cho dịch vụ khác (nếu có) (CP)			
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)		1.500.000	
Đ	Giá thành toàn bộ 01(một) đơn vị sản phẩm, dịch vụ (TC-CP)/Q		$1.500.000/1.700.000 = 0,882$	

II. Giải trình chi tiết cách tính các khoản chi phí (từ mục 1 đến mục 8 bảng tổng hợp tính giá)

1. Chi phí nhiên liệu trực tiếp dầu diesel: 01 xe = 111.666đ/lượt x 6 lượt = 670.000đ (toàn tuyến dài 51km, giá dầu hiện tại: 13.310 đ/lít)

2. Chi phí nhân công trực tiếp: Tổng số tiền lương trung bình 01 ngày của lái-phụ xe được tính như sau:

- Lương lái xe = lương chính (150.000đ) + tiền trách nhiệm + hỗ trợ tiền ăn trưa + tiền điện thoại

- Lương phụ xe = Lương chính (100.000đ) + tiền trách nhiệm + điện thoại + hỗ trợ ăn trưa.

3. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp là khấu hao trung bình tuổi thọ của xe là 100.000đ/ngày.

4. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo đặc thù là những chi phí đóng phí lệnh vận chuyển, phí gửi xe qua đêm, phí cầu phà, chi phí sửa chữa thường xuyên, thay thế phụ tùng, thay dầu máy...

- Chi phí phí đóng lệnh, phí cầu: 65.000đ/ngày/xe

- Phí gửi xe: 15.000đ/đêm/xe

- Chi phí sửa chữa thường xuyên, thay thế phụ tùng, làm lốp, ác quy, lãi xuất vay vốn: 150.000đ.

5. Chi phí quản lý bao gồm các loại chi phí trung bình:

- Lương điều hành giám sát = lương chính (150.000đ) + phụ cấp ăn trưa + phụ cấp trực + điện thoại

- Lương thanh tra, văn phòng kế toán = lương chính (120.000đ) + phụ cấp ăn trưa + phụ cấp trực + điện thoại.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Lợi